|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/QĐ-UBND | *Nghệ An, ngày tháng năm 2025* |

***Dự thảo***

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi một số điều của Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 và Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 của UBND tỉnh**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT-PTNT ngày tháng năm 2025 và Thẩm định của Sở Tư pháp...*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh quy định về tỷ lệ quay vòng , trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các nghành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.*

**Điều 1. Sửa đổi một số Điều của Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh quy định về tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

1. Thay thế cụm từ “UBND cấp huyện” tại Điều 2 bằng cụm từ “UBND cấp xã”; thay thế cụm từ “UBND cấp huyện, thành phố, thị xã” tại Điều 6 bằng cụm từ “UBND cấp xã, phường”.

**Điều 2. Sửa đổi một số Điều của Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các nghành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

1. Thay thế cụm từ “Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh hoặc Báo Nghệ An” bằng cụm từ “Báo và Phát thanh, Truyền hình Nghệ An” tại điểm a khoản 2 Điều 2.

2. Thay thế cụm từ “huyện, thành, thị” bằng cụm từ “phường, xã” tại điểm a khoản 2 Điều 2.

3. Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 2 và điểmb, c, d khoản 2 Điều 3.

4. Thay thế cụm từ “Sở Lao động, Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” và cụm từ “Ban Dân tộc” bằng cụm từ “Sở Dân tộc và Tôn giáo” tại điểm b khoản 2 Điều 2.

5. Thay thế cụm từ “huyện, thành phố, thị xã” bằng cụm từ “xã, phường” tại Điều 6.

6. Bỏ cụm từ “Kế hoạch và Đầu tư” tại điểm c khoản 2 Điều 2; bỏ cụm từ “của huyện” tại điểm a khoản 2 Điều 3.

7. Sửa đổi điểm đ khoản 3 Điều 2 như sau: “đ) Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các xã thuộc huyện nghèo trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng giống cây trồng, vật nuôi, hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án.

8. Sửa đổi điểm đ khoản 3 Điều 3 như sau: “đ) Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các xã thuộc huyện nghèo trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng những hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án.

9. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 2 như sau: “Thành phần Hội đồng thẩm định ở cấp xã gồm: Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; Thành viên Hội đồng là cán bộ đại diện Phòng Kinh tế hoặc cán bộ chuyên môn phụ trách kế hoạch tài chính, nông nghiệp môi trường (nơi không có Phòng Kinh tế) và Phòng chuyên môn khác có liên quan; Chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết)”.

10. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 3 như sau: “Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; Thành viên là: cán bộ đại diện Phòng Kinh tế hoặc cán bộ chuyên môn phụ trách kế hoạch tài chính, nông nghiệp môi trường (nơi không có Phòng Kinh tế) và Phòng chuyên môn khác có liên quan; Chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết)”.

11. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 3 như sau: “Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc ủy quyền cho cấp phó phụ trách chuyên môn quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất”.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày…..tháng …. năm 2025.

2. Quy định chuyển tiếp: Đối với các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất đã được UBND các huyện, thành phố, thị xã (trước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp) phê duyệt hỗ trợ thì tiếp tục tổ chức thực hiện theo các Quyết định phê duyệt hỗ trợ đã ban hành cho đến khi kết thúc các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất.

**Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 4; - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c); - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (để k/t); - Thường trực Tỉnh ủy (để b/c); - Thường trực HĐND tỉnh (để b/c); - Chủ tịch UBND tỉnh; - Các PCT UBND tỉnh; - Sở Tư pháp;  - Cổng thông tin điện tử tỉnh; - Trung tâm Công báo tỉnh; - Lưu: VT, NN (...). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH**  **Lê Hồng Vinh** |